

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2019/HS-ST**
Ngày 13 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Xuân Trúc**
Ông **Phan Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Kim Hải** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Bằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hoàng L**, sinh năm: 1980 tại Nam Định.

Nơi cư trú: tổ 14, phường H, thành phố T, tỉnh T;

Chỗ ở hiện nay: 64/6 đường 11, phường T, quận x, thành phố H;

Nghề nghiệp: Lái xe ô tô; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Hữu B, sinh năm 1946 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1947 (đã chết).

Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Họ tên vợ: Đào Thị Ngọc M, sinh năm 1980.

Có 01 con nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt: Ngày 16/08/2018, chuyển tạm giam theo lệnh giam số 101 ngày 20/08/2018, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai (PC45).

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa (*Bị cáo có mặt*).

- Người làm chứng: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1980 – (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Đội 6, xã P, huyện Thanh M, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là lái xe, Trần Hoàng L là phụ xe cho Công ty xuất nhập khẩu một thành viên TT có trụ sở tại phường L, thành phố B nên quen biết nhau. Trong quá trình làm việc, thấy việc quản lý tài sản của các chủ hàng cũng như Công ty xuất nhập khẩu một thành viên TT là bên được thuê vận chuyển hàng có nhiều sơ hở nên Nguyễn Văn H đã cùng với Trần Hoàng L đã nhiều lần trộm cắp hàng hóa mà các doanh nghiệp thuê Công ty TT vận chuyển bằng cách: khi đi nhận container rỗng và seal từ hãng tàu, trên đường chạy xe đến các doanh nghiệp để nhận hàng các tài xế dừng xe ở những điểm vắng người để tiến hành làm seal giả bằng cách rút lõi đồng nguyên thủy để gãy trong seal ra rồi thay vào bằng loại dây đồng mềm dẻo. Sau khi nhận hàng xong tài xế sẽ đưa seal giả cho thủ kho của doanh nghiệp xuất hàng bấm vào container rồi vận chuyển hàng từ các doanh nghiệp đến các cảng ở thành phố H để xuất sang nước ngoài. Trên đường vận chuyển, H, L dừng xe ở địa điểm nào đó rồi cùng nhau mở seal lấy trộm hàng. Sau khi lấy hàng xong, H, L sẽ đưa lõi đồng nguyên thủy vào seal rồi bấm lại rồi tiếp tục đi giao hàng. Với phương thức và thủ đoạn như trên, từ ngày 12/7/2011 đến ngày 26/7/2011, Nguyễn Văn H, Trần Hoàng L đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn H, công ty T, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 12/7/2011, H, L điều khiển xe đầu kéo biển số 60P-0977 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn H có trụ sở tại Khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đ nhận hàng là sợi Spandex được đựng trong những thùng carton để chở tới cảng Cát Lái thuộc địa bàn quận y, thành phố H để giao cho các chủ tàu. Do bàn nhau từ trước nên khi chở hàng đi đến Cổng 11, thuộc khu phố 3, phường L, thành phố B, H chạy xe vào khu đất trống thuộc khu chung cư phường L rồi dừng xe cùng L tháo seal, mở cửa thùng container lấy trộm 10 thùng hàng sợi Spandex, trị giá 27.357.667 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) rồi giao cho Nguyễn Ngọc Thiện chở về phòng trọ của Thiện ở khu phố 2, phường L cất giấu. H, L đóng container lại, bấm seal như cũ rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô đi đến cảng Cát Lái giao hàng. Hôm sau, H thuê xe ô tô (không rõ biển số) vận chuyển 10 thùng hàng trên đến chợ Tân Bình, thành phố H bán cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), Hiệp trả tiền thuê xe 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), chia cho Thiện 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), còn lại 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm nghìn đồng), chia đôi mỗi người được 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Ngày 22/7/2011, H, L điều khiển xe ô tô, biển số 60P-0977 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn H có trụ sở tại Khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đ nhận hàng là sợi Spandex được đựng trong những thùng carton để chở tới cảng Cát Lái thuộc địa bàn quận y, thành phố H để giao cho các chủ tàu. Khi đi đến khu đất trống thuộc khu phố 2, phường L, thành phố B, H dừng xe cùng L tháo seal, mở cửa

thùng container lấy trộm 10 thùng hàng sợi Spandex, trị giá 30.113.233 đồng (Ba mươi triệu một trăm mười ba nghìn hai trăm ba mươi ba đồng) rồi giao cho Nguyễn Ngọc Thiện chở về phòng trọ của Thiện ở khu phố 2, phường L cất giấu. H, L đóng container lại, bấm seal như cũ rồi tiếp tục điều khiển xe ô tô đi đến cảng Cát Lái giao hàng. Hôm sau, H bán 10 thùng hàng trên cho Nguyễn Văn Bào, sinh năm 1985 ngụ tại ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh B được 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), H và L chia đôi mỗi người được 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Ngày 25/7/2011, H, L điều khiển xe đầu kéo biển số 60P-0977 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn H có trụ sở tại Khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đ nhận hàng là sợi Spandex được đựng trong những thùng carton để chở tới cảng Tây Nam thuộc địa bàn quận 2, thành phố H để giao cho chủ tàu. Khi đi đến khu đất trống thuộc khu phố 2, phường L, thành phố B, H dừng xe cùng L tháo seal, mở cửa thùng container lấy trộm 20 thùng hàng sợi Spandex, trị giá 54.751.334 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi một nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng). Sau khi trộm, H, L đóng container lại, bấm seal như cũ rồi L điều khiển xe một mình đi giao hàng còn H thuê xe ô tô (không rõ biển số) của một người tên Tình (không rõ họ, địa chỉ) vận chuyển 10 thùng hàng trên đến chợ T, thành phố H bán cho một người không rõ họ tên, địa chỉ được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), H trả tiền thuê xe 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), còn lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), chia đôi mỗi người được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Ngày 26/7/2011, H, L điều khiển xe đầu kéo biển số 60P-0977 đến Công ty trách nhiệm hữu hạn T có trụ sở tại Khu công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đ nhận hàng là sợi cotton được đựng trong những thùng carton để chở tới cảng Cát Lái thuộc địa bàn quận 2, thành phố H để giao cho chủ tàu. Khi đi đến khu đất trống thuộc khu phố 2, phường L, thành phố B, H dừng xe cùng L tháo seal, mở cửa thùng container lấy trộm 11 thùng hàng sợi cotton, trị giá 38.572.537 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng). Sau khi trộm, H, L đóng container lại, bấm seal như cũ rồi H điều khiển xe đi giao hàng còn L ở lại bán số sợi trên cho một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), chia đôi mỗi người được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiêu xài hết. Sau khi phát hiện mất tài sản, Công ty trách nhiệm hữu hạn H, Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã trình báo Cơ quan điều tra, ngày 01/9/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã khởi tố xử lý đối với Nguyễn Văn Bào, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Thiện. Riêng đối với Trần Hoàng L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ khởi tố bị can ngày 29/11/2011 nhưng L đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, đến ngày 16/8/2018, L bị bắt theo quyết định truy nã.

Vật chứng trong vụ án đã được thu giữ và xử lý xong trong bản án số 273/2013/HSST ngày 21/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2882/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 02/11/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai kết luận: “11 thùng

sợi cotton có giá trị 38.572.537 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng)”.

Tại bản kết luận định giá số 2887/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 02/11/2011 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai kết luận: “40 thùng sợi Spandex, có tổng giá trị 112.222.234 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm ba mươi tư đồng).

- Số tiền thu nhập bất chính khi thực hiện các vụ trộm cắp tài sản của Trần Hoàng Linh là 15.550.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Về phần dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giải quyết xong theo bản án số 273/2013/HSST ngày 21/5/2013.

Tại Bản cáo trạng số 58/CT-VKSBH-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Trần Hoàng L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, 53 của Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trần Hoàng L từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 15.550.000 đồng do bị cáo L thu lợi bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tại phiên tòa bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội là vào ngày 12/7/2011, 22/7/2011 và ngày 25/7/2011 bị cáo Trần Hoàng L cùng Nguyễn Văn H đã trộm của Công ty TNHH H 40 (Bốn mươi) thùng sợi vải có tổng giá trị 112.222.234 đồng (Một trăm mười hai triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn, hai trăm ba mươi bốn đồng). Ngày 26/7/2011, H và L tiếp tục trộm của Công ty TNHH T 11 (Mười một) thùng sợi cotton trị giá 38.572.537 đồng (Ba mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng). Số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo L có được sau các lần phạm tội là 15.550.000 đồng. Bị cáo L đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 000376 ngày 06/3/2019.

[3] Về tội danh:

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hoàng L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo L có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Hoàng L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân, xâm phạm đến trật tự an xã hội tại địa phương, bị cáo L hành nghề lái xe nhưng bị cáo không chăm lo lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp phạm tội. Bị cáo L và Nguyễn Văn H đã có sự bàn bạc từ trước, chủ động thực hiện tội phạm. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, trực tiếp thực hiện 04 vụ trộm cắp cùng với Nguyễn Văn H với tổng giá trị là 150.794.771 đồng, sau khi phạm tội bị cáo L bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với Nguyễn Văn H đã bị xử lý trách nhiệm hình sự theo bản án 273/2013/HSST ngày 21/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo có cha là người có công cách mạng, có nhân thân tốt,

không tiền án tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về phần dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết xong theo bản án số 273/2013/HSST ngày 21/5/2013 nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 15.550.000 đồng do bị cáo L thu lợi bất chính.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33, 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Trần Hoàng L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Trần Hoàng L 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16/08/2018.

Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 15.550.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo L đã nộp theo biên lai thu số 000376 ngày 06/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Hoàng L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Trần Thị Cẩm